

**DANH SÁCH HỌC VIÊN KHÓA 2020 – 2022
ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2023**

1. Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao): 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
1	Trần Thái Thụ	Nam	27/11/1995	TP. Hồ Chí Minh	7.7	8,5

2. Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm): 02 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
2	Huỳnh Thị Thúy Anh	Nữ	03/3/1993	An Giang	7.6	7,4
3	Trần Thị Kim Anh	Nữ	17/12/1995	Quảng Nam	8.1	7.9

3. Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc : 06 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
4	Hồ Thị Hoàng Diệu	Nữ	20/7/1995	Bình Thuận	8.0	8,9
5	Trương Công Khánh	Nam	20/01/1995	Lâm Đồng	7.6	9.0
6	Đỗ Thị Ngọc Thúy	Nữ	18/01/1996	Đắk Lắk	7.5	9.0
7	Nguyễn Vũ Trường	Nam	01/9/1979	Trà Vinh	6.9	8.1
8	Nguyễn Vũ Thụy Vy	Nữ	27/7/1996	Bà Rịa – Vũng Tàu	7.9	8.9
9	Nguyễn Trần Hưng Yên	Nữ	28/10/1996	Bà Rịa – Vũng Tàu	8.1	8.7

4. Dược liệu – Dược cổ truyền: 03 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
10	Phạm Phước Đầy	Nam	05/8/1991	Cửu Long	7.1	8.7
11	Đình Quang Long	Nam	28/4/1996	Lâm Đồng	6.8	9.78
12	Phan Thị Ánh Ngọc	Nữ	23/02/1991	Đắk Lắk	7.6	9.36

5. Dược lý và Dược Lâm sàng : 10 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
13	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	22/8/1992	Thanh Hóa	7.9	7.2
14	Chu Thị Ngọc Hà	Nữ	02/8/1989	Đồng Nai	7.6	8.25

15	Trần Thị Hồng Hải	Nữ	01/3/1983	Quảng Ngãi	7.3	8.55
16	Mai Thu Hương	Nữ	07/10/1996	Khánh Hòa	6.9	7.69
17	Dương Trung Kiên	Nam	17/5/1995	TP. Hồ Chí Minh	7.2	6.17
18	Võ Nguyễn Nguyên Nhật	Nam	02/11/1996	Khánh Hòa	7.6	8.5
19	Hoàng Trọng Tín	Nam	07/4/1990	Lâm Đồng	7.4	8.25
20	Lương Thị Hạ Vi	Nữ	27/9/1996	Gia Lai	8.2	8.3
21	Hà Hoàng Anh Vĩnh	Nam	29/8/1987	Đắk Lắk	7.4	9.0
22	Vy Thị Thanh Xuân	Nữ	20/02/1994	Đắk Lắk	7.5	7.3

6. Khoa học y sinh (Hóa sinh): 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
23	Hồ Trần Hạnh Nguyên	Nữ	20/7/1991	Đà Nẵng	8.4	7.9

7. Khoa học y sinh (Mô phôi): 02 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
24	Lê Viết Duy	Nam	13/12/1989	TP. Hồ Chí Minh	8.3	8.3
25	Phan Thanh Tiến	Nam	16/4/1993	Đà Nẵng	7.9	8.2

8. Khoa học y sinh (Sinh lý): 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
26	Nguyễn Hiếu Thảo	Nữ	15/4/1993	Trà Vinh	8.4	7,8

9. Kiểm nghiệm thuốc và độc chất: 04 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
27	Võ Thành Duy	Nam	29/6/1993	Bến Tre	7.1	9.0
28	Huỳnh Thị Minh Hằng	Nữ	02/10/1965	TP. Hồ Chí Minh	7.0	9.0
29	Nguyễn Ngọc Tiến Hưng	Nam	09/02/1996	Khánh Hòa	7.6	8.3
30	Nguyễn Mai Quỳnh My	Nữ	20/9/1996	Đắk Lắk	7.0	8.5

10. Kỹ thuật xét nghiệm y học: 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
31	Đào Kim Khánh	Nữ	26/01/1995	TP. Hồ Chí Minh	8.1	8.3

11. Ngoại Khoa (Chấn thương chỉnh hình): 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
32	Nguyễn Hoàng Sơn	Nam	24/01/1996	Sóc Trăng	7.4	6.6

12.Ngoại khoa (Ngoại – lồng ngực): 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
33	Trần Hoàng Thịnh	Nam	02/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.5	6.9

13.Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu): 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
34	Vũ Đức Công	Nam	18/9/1992	An Giang	8.0	6.4

14.Nhi khoa: 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
35	Trần Thị Lệ Uyên	Nữ	18/9/1985	Quảng Ngãi	6.8	7.5

15.Nội khoa (Da liễu): 02 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
36	Diệp Yến Linh	Nữ	05/7/1993	TP. Hồ Chí Minh	7.5	7.7
37	Triệu Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	27/10/1993	Tây Ninh	6.5	8.1

16.Nội khoa (Huyết học): 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
38	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Nữ	09/10/1995	Quảng Ngãi	6.7	7.9

17.Nội khoa (Lão khoa): 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
39	Nguyễn Thái Minh	Nam	29/8/1990	Long An	7.8	5.5

18.Răng – Hàm – Mặt: 02 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
40	Lâm Thị Quỳnh Mai	Nữ	18/4/1995	Trà Vinh	7.7	9.1
41	Trần Duy Tùng	Nam	24/4/1994	Khánh Hòa	7.7	8.9

19.Sản phụ khoa: 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
42	Lê Việt Chính	Nam	28/9/1993	Đồng Tháp	7.2	6.5

20.Ung thư: 02 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
43	Nguyễn Trung Hậu	Nam	04/8/1991	TP. Hồ Chí Minh	7.3	8.0
44	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	28/6/1995	Vĩnh Long	6.5	7.3

21.Y học cổ truyền: 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
45	Nguyễn Thị Bích Trân	Nữ	24/11/1995	Long An	7.2	8.2

22.Y học dự phòng: 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
46	Trương Ngọc Sinh	Nam	30/7/1991	Bình Thuận	7.5	6.4

23.Y tế công cộng: 01 học viên.

TT	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC các học phần	Điểm luận văn
47	Lương Mỹ Loan	Nữ	17/9/1983	Đồng Nai	7.8	7.5

Danh sách ấn định có 47(Bốn mươi bảy học viên) thuộc 23 chuyên ngành.